

Số: 1420/TB-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc bán thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư vật liệu thu hồi năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội theo hình thức bán chỉ định

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 97/VBHN-VPQH;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-ĐHLHN ngày 15/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc phê duyệt danh mục tài sản, công cụ dụng cụ thanh lý năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-ĐHLHN ngày 18/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc phê duyệt giá bán và phương thức bán thanh lý tài sản năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Trường Đại học Luật Hà Nội Thông báo về việc bán tài sản thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư vật liệu thu hồi năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Tổ chức có tài sản và công cụ, dụng cụ thanh lý: Trường Đại học Luật Hà Nội

2. Danh mục tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư vật liệu thu hồi thanh lý năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

3. Phương thức bán thanh lý: Bán thanh lý tài sản công theo hình thức bán chỉ định (Bán một lần trọn gói toàn bộ lô tài sản, không bán lẻ).

4. Giá bán tài sản:

- Giá bán: 51.327.300 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm đồng).

- Giá bán nêu trên đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng (GTGT).

5. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua tài sản:

- Thời gian nhận hồ sơ: 05 ngày làm việc (trong giờ hành chính) kể từ ngày ra thông báo.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký mua tài sản: Nộp hồ sơ trực tiếp cho Bà Lê Thị Ngoãn tại Phòng A108 – Trường Đại học Luật Hà Nội (Địa chỉ: Số 87 Nguyễn

Chí Thanh, Phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội; Điện thoại liên hệ: 0868943311).

- Các cá nhân, tổ chức đến đăng ký mua tài sản phải mang theo CCCD, giấy giới thiệu (nếu có).

- Không hoàn trả hồ sơ đăng ký tham gia cho các cá nhân, tổ chức không được chọn hoặc không đủ điều kiện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị mua tài sản của người đầu tiên, Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản với người mua.

6. Đối tượng sau đây không được tham gia mua tài sản:

Đối tượng thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ không được tham gia mua tài sản trên, cụ thể như sau:

“3. Những người sau đây không được tham gia mua tài sản công theo phương thức niêm yết giá:

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

b) Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm b khoản này.”

7. Phương thức công khai thông báo

- Thông báo này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Luật Hà Nội; Thời hạn thông báo công khai là 05 ngày làm việc (kể từ ngày bắt đầu thông báo).

- Thông báo này được niêm yết công khai tại Bảng tin phòng Tài chính – Quản trị A103, Trụ sở Trường Đại học Luật Hà Nội (Địa chỉ: Số 87 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội)

Trường Đại học Luật Hà Nội kính mời các cá nhân, tổ chức có nhu cầu và có đủ điều kiện đến xem và đăng ký tham gia mua. *u*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCQT, HĐTLTS.



PHỤ LỤC
DANH MỤC THANH LÝ TÀI SẢN VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ, VẬT TƯ VẬT LIỆU THU HỒI NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 149/TB-DHLHN, ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
I	Tài sản cố định		114			3.000.780.920	-	22.480.000	
I.1	Máy điều hoà		20						
1	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	02/06/1998	0	31.090.000		800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
2	Máy điều hoà Panasonic 2 cục 1 chiều 18000 BTU	Bộ	1	31/12/2010	0	12.250.000		700.000	Hồng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
3	Điều hoà CARRIER 120 BTU 2cục	Bộ	1	31/12/1995	0	11.945.000		600.000	Hồng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
4	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	06/12/1999	0	35.059.000		800.000	Hồng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
5	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	06/12/1999	0	35.059.000		800.000	Hồng bo mạch chính, main
6	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	06/12/1999	0	37.222.500		800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
7	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	06/12/1999	0	37.222.500		800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
8	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	06/12/1999	0	37.222.500		800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
9	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	06/12/1999	0	37.222.500		800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
10	Điều hoà FUJITSU AOY24 - 24000 BTU	Bộ	1	06/12/1999	0	36.924.500		800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
11	Máy điều hoà nhiệt độ General ASG 1	Bộ	1	23/12/2004	0	17.415.200		700.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
12	Máy điều hoà General AOG 12 A 2	Bộ	1	22/12/2005	0	31.531.859		700.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
13	Máy điều hoà 2 cục General AOG 18000 BTU	Bộ	1	31/10/2006	0	19.727.812		700.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
14	Máy điều hoà 2 cục General AOG 18000 BTU	Bộ	1	31/10/2006	0	19.727.812		700.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
15	Điều hoà Daikin 17.150BTU	Bộ	1	2016		37.523.000		700.000	Hồng Blok
16	Điều hoà Daikin 17.150BTU	Bộ	1	2015		14.001.900		700.000	Hồng Blok
17	Điều hoà 1 chiều 21.000BTU/h. A804	Bộ	1	10/04/2015	0	19.305.000		700.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
18	Điều hoà Daikin 1 chiều 18 000BTU. FTNE50M, lắp đặt (911)	Bộ	1	30/12/2014	0	19.104.940		700.000	Hồng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
19	Điều hoà GENERAL AOG -24000 BTU 2cụ	Bộ	1	10/08/1999	0	35.978.000	-	800.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
20	Điều hoà GENERAL 200 BTU 2cụ	Bộ	1	17/08/1998	0	29.055.000		800.000	Máy nén hoạt động không ổn định
I.2	Máy chiếu		11					-	
1	Máy chiếu đa năng Viewsonic PG 703X.	Chiếc	1	2019	0	24.970.000		50.000	Hỏng main
2	Máy chiếu đa năng Viewsonic PG 703X.	Chiếc	1	2019	0	24.970.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
3	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu.	Cái	1	30/08/2019	0	39.300.000		50.000	Hỏng bóng đèn, chip
4	Máy chiếu TQ. Phòng LAB	Chiếc	1	31/12/2013	0	47.300.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
5	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. A703	Chiếc	1	30/08/2019	0	39.300.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
6	Máy chiếu SONY VPL-EX295	Cái	1	25/9/2016	0	23.595.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
7	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. A801	Chiếc	1	30/08/2019	0	39.300.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
8	Máy chiếu đa năng Viewsonic PG707W.	Chiếc	1	30/8/2020	0	29.780.000		50.000	Hỏng main
9	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. C102	Chiếc	1	30/08/2019	0	39.300.000		50.000	Hỏng main
10	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. C201	Chiếc	1	30/08/2019	0	39.300.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
11	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. E202	Chiếc	1	30/08/2019	0	39.300.000		50.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
I.3	Máy photocopy		7					-	
1	Máy photocopy RICOH Aficio MP 20LE	Chiếc	1	15/12/2009	0	42.892.500		200.000	Hỏng cụm trống
2	Máy foto RICOH Aficico MP 2501L. SĐH.	Cái	1	31/10/2018	0	46.200.000	-	200.000	Hỏng lô cuốn, chip
3	Máy foto Ricoh Aficio MP20L2	Cái	1	2012	0	29.980.500		200.000	Hỏng cụm lô sấy
4	Máy Photo RICOH MP2501L. Linh CTSV	Chiếc	1	04/09/2015	0	47.300.000		200.000	Hỏng màn hình điều khiển
5	Máy foto Ricoh Aficio MP20L2	Chiếc	1	31/12/2012	0	29.980.500		200.000	hệ thống cơ khí máy xuống cấp hư hỏng nặng
6	Máy foto Ricoh Aficio MP20L2	Chiếc	1	31/12/2012	0	29.980.500		200.000	Hỏng cụm trống
7	Máy photocopy RICOH	Cái	1	29/10/2008	0	45.489.600		200.000	Hỏng lô cuốn, chip
I.4	Máy tính		45					-	
1	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. 201K5. VPĐU. Hiền	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	RAM lỗi nhiều khe, không nhận RAM
2	MVT CMS X-Media X95B-866. A201. V. Thư. Ly, (Mai)	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
3	Máy tính CMS X-Media XE5D-866.	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
4	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
5	Máy tính CMS X-Media màn hình Acer V206. A102. Phương	Bộ	1	26/11/2018	0	13.970.000		80.000	Màn hình xanh (BSOD) liên tục
6	Máy tính CMS XMedia X937-668 B111 (Vĩnh)	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Không lên nguồn, đèn báo không sáng
7	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. Qtri -> ĐT (Trinh) A107	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	Card màn hình hỏng, không xuất tín hiệu
8	Máy tính CMS XMedia X937-668 CĐPhong A106 (Thơ)	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
9	MVT CMS X-Media X95B-866. A603. Điệp, (K.Hùng)	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
10	Máy tính CMS Xmedia (Hằng)	Bộ	1	29/05/2015	0	10.780.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
11	Máy tính CMS Xmedia (Ngọc)	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
12	Máy tính CMS XMedia X937-668 B208, 210(Tuân)	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
13	Máy tính bàn FPT ELEAD lễ tân t2 nhà D TV	Bộ	1	21/12/2015	0	15.235.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
14	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2017	0	11.799.700		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
15	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2017	0	11.799.700		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
16	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2017	0	11.799.700		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
17	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2017	0	11.799.700		80.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
18	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2017	0	11.799.700		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
19	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2018	0	13.970.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
20	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2018	0	13.970.000		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
21	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2018	0	13.970.000		80.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
22	Máy tính CMS. VănY tế-> HVTP B501-> PLQT(công pháp) A310a	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
23	Máy tính bàn CMS Scorpion S710-197	Bộ	1	27/12/2014	0	10.780.000		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
24	MVT CMS X-Media X95B-866. Hương trợ lý. A300	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
25	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. A300. Tiến	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
26	Mtính CMS Xmedia X435-668 XM 183888 LTTMai nhận, (Binh)	Bộ	1	11/11/2016	0	11.594.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
27	MVT CMS X-Media X95B-866. B105. Phương (Mai Dung)	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
28	MVT CMS X-Media X95B-866. A502. A502. Hành trợ lý	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
29	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. HCNN. XDVBPL	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
30	Máy tính bàn CMS Scorpion (K.LLCT: Tài)(Tổ Đường lối)	Bộ	1	27/12/2014	0	10.780.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
31	Mtính CMS Xmedia X435-668 XM 183906 TTChính nhân(Tuyển)	Bộ	1	11/11/2016	0	11.594.000		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
32	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. PLHS.Tô TTHS	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
33	Máy tính CMS XMedia X937-668 ĐTTMai 1406, (Tổ Nga Trung)	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
34	Máy tính CMS XMedia X937-668 ĐTHiến	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
35	MVT CMS X-Media X95B-866. Huy Hoàng. B102	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
36	Máy tính CMS XMedia X937-668 (G. Hoàng)	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
37	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. Tùng HTQT	Bộ	1	27/09/2019	0	14.450.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
38	MVT CMS X-Media(Đ.T.Huệ)	Bộ	1	12/07/2020	0	14.920.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
39	Máy tính CMS XMedia X937-668 VTLHoa -> P.bán sách	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
40	MVT CMS X-Media X95B-866. A303. Văn	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
41	Máy tính CMS XMedia X937-668 TTCNTT	Bộ	1	17/11/2017	0	11.799.700		80.000	RAM lỗi nhiều khe, không nhận RAM
42	Mtính CMS Xmedia X435-668 XM 183903 TATuấn nhận, (HN&GD)	Bộ	1	11/11/2016	0	11.594.000		80.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
43	Máy tính CMS Scorpion S435-668 BMHồng nhận	Bộ	1	27/09/2016	0	10.780.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
44	MVT CMS X-Media X95B-866. Thúy. A203	Bộ	1	19/11/2018	0	13.970.000		80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
45	Máy tính để bàn HP slimline290-P0112D	Bộ	1	3/10/2019	0	12.000.000		80.000	Hồng ram, main
I.5	Máy in		3					-	
1	Máy in A3 Hp Pro 400 M706N Lan HCTH, (Oanh)	Cái	1	31/12/2015	0	29.370.000		40.000	Hồng
2	Máy in HP Laser Jet 5200, (Minh)	Cái	1	28/12/2009	0	22.893.000		40.000	Hồng
3	Máy in HP Laser Jet 5200 (Đạt)	2009	1	28/12/2009	0	22.893.000		40.000	Hồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
I.6	Máy móc thiết bị khác		9					-	
1	Máy tính xách tay HP Pavilion 14-ce0024TU. TTĐBCLĐT. Hàng	Cái	1	05/09/2018	0	14.899.500		80.000	Hồng nguồn
2	Máy quét HP SacnJet Pro 3500F1. TCKT. Thủy	Cái	1	28/05/2020	0	16.280.000		40.000	Hồng đèn
3	Máy quét HP SacnJet Pro 3500F1. TCKT. Thủy	Cái	1	28/05/2020	0	16.280.000		40.000	Hồng đèn
4	Máy quét HP ScanJet Pro 3500F1. HCTH. Vân Anh	Cái	1	10/09/2019	0	15.950.000	-	40.000	Hồng đèn
5	Tivi 40 inch lễ tân tầng1 TV	Cái	1	21/12/2015	0	13.079.000		50.000	Hồng màn hình
6	Màn chiếu điện Snowwhite KT 3,6m x 3,6m	Cái	1	01/11/2010	0	11.206.800		30.000	Hồng mô tơ cuốn
7	Bộ điều khiển trung tâm TS770: Có thể kết nối tới 70 máy hội thảo chủ tọa và đại biểu:	Cái	1	01/01/2015	0	26.340.700		80.000	Hồng không kết nối
8	Âm ly	Cái	1	01/01/2015	0	12.205.797		150.000	Hồng nguồn
9	Phần mềm in hoá đơn thuế	Cái	1	2011	0	15.000.000		-	ko sử dụng
I.7	Thiết bị phòng Lab (A504 và A906)		15					-	
1	Thiết bị âm thanh.	Cái	1	31/12/2013	0	20.900.000		100.000	Hồng
2	Bàn ĐK hệ thống dành cho GV COMWEB.	Cái	1	31/12/2013	0	38.500.000		200.000	Hồng
3	Bảng chiếu đa chức năng + giá treo + cáp nối	Cái	1	31/12/2013	0	15.400.000		50.000	Hồng
4	Hệ thống mạng + Cáp nối tín hiệu chuyên dụng.	Cái	1	31/12/2013	0	11.440.000		100.000	Hồng
5	Khối ĐK học viên 2 cổng của hệ thống COMWEB. P	Cái	1	31/12/2013	0	132.000.000		80.000	Hồng
6	Khối ĐK trung tâm của hệ thống COMWEB.	Cái	1	31/12/2013	0	110.000.000		80.000	Hồng
7	Khối phụ kiện đầu cuối HS SMART PC.	Cái	1	31/12/2013	0	206.000.000		80.000	Hồng
8	Lưu điện Santak UPS.	Cái	1	31/12/2013	0	18.700.000		100.000	Hồng
9	Phần mềm dạy & học ngoại ngữ.	Cái	1	31/12/2013	0	122.000.000		-	ko sử dụng
10	Phần mềm quản lý hđ của hệ thống COMWEB.	Cái	1	31/12/2013	0	19.680.000		-	ko sử dụng
11	Máy chủ trung tâm X3650M4, màn hình 18.5 LCD.	Cái	1	31/12/2013	0	99.000.000		100.000	Hồng
12	Amply phòng học NN	Cái	1	31/12/2014	0	10.450.000		150.000	Hồng
13	Cáp mạng tin học	Cái	1	31/12/2014	0	13.530.000		50.000	Hồng
14	Lưu điện phòng học NN	Cái	1	31/12/2014	0	20.900.000		100.000	Hồng
15	Máy chủ HP DL380pG8	Cái	1	31/12/2014	0	79.200.000		100.000	Hồng
I.8	Tủ tài liệu		2					-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
1	Tủ gỗ lim KT 2,5m x 3m	Cái	1	28/12/1998	0	13.500.000		50.000	Hồng, gãy cánh
2	Tủ gỗ lim KT 4m x 2,5m	Chiếc	1	20/10/1998	0	15.000.000		50.000	Hồng gãy cánh,
I.9	Bàn các loại		2					-	
1	Dây bàn quầy thư viện Kt 5400 x 90	Bộ	1	22/12/2005	0	12.555.000		5.000	Hồng, gãy
2	Bàn hội thảo 5.2x2.4x0.75 Lớp CLC	Cái	1	02/04/2015	0	32.989.000		5.000	Hồng, rụng chân
II	Công cụ dụng cụ		1.140			2.319.707.941	-	28.678.500	
II.1	Máy chiếu		1					-	
1	Máy chiếu Panasonic PJLINK9PT-LB1VEA)	Cái	1	27/12/2012		8.810.000		50.000	cháy đèn chiếu
II.2	Máy điều hoà		6					-	
1	Máy điều hoà Panasonic 2 cục 1 chiều 12000 BTU	Bộ	2	2009		16.900.000		600.000	Hồng lốc
2	Máy điều hoà Panasonic 2 cục 1 chiều 12000 BTU	Bộ	1	2009		8.450.000		300.000	Hồng bo mạch
3	Máy điều hoà Daikin (P. giữa)	Bộ	2	2016		-		600.000	Hồng lốc
4	Điều hoà Panasonic 9000BTU	Bộ	1	2013		-		300.000	Hồng nguồn
II.3	Máy tính		102					-	
1	Cây máy tính CMS S710-197(ĐTNDT) + Màn hình (P/mượn)	Bộ	1	2015		8.800.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hồng
2	Máy tính Lenovo (DA)	Bộ	3	2010				240.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
3	Máy tính Fantom (Tổ XXH)	Bộ	1	2012		7.900.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hồng
4	Máy tính ELEAD S676 Phòng học NN. (A906) (36 c)	Cái	36	2014		320.760.000		2.880.000	Mainboard hồng, không cấp nguồn
5	Máy tính Fantom F9498 (TChi - Đường)	Cái	1	2012		7.900.000		80.000	Card mạng, card màn hình onboard hồng
6	Máy tính ASUS (Phúc)	Bộ	1	2015	0		-	80.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
7	Máy tính CMS X-Media (A905) Tin học	Bộ	27	2015		234.184.500		2.160.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
8	Máy tính CMS X-Media (A907) Tin học	Bộ	30	2015		260.205.000		2.400.000	Card mạng, card màn hình onboard hồng
9	Máy tính ASUS	Bộ	1	2015	0		-	-	Card mạng, card màn hình onboard hồng
10	Máy tính HP-HPLV1911	Bộ	1	27/12/2013		6.345.000		80.000	Hồng ko chạy
II.4	Máy in		22					-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
1	Máy in laser 404DN. PHT Nghi	Cái	1	2021		7.480.000		40.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
2	Máy in HP Pro 400 M401D Nguyệt VPĐU	Cái	1	2015		6.424.000		40.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
3	Máy in HP M402dn -> Hương	Cái	1	2018		6.350.000		40.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
4	Máy in Canon 161dn. A12a09. Kiều Thùy Linh	Cái	1	2022		5.500.000		40.000	Không còn driver cho Windows mới
5	Máy in HP Laserjet Pro 400 M401D. Nhung Tại Chức	Cái	1	2015		6.424.000		40.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
6	Máy in HP Laser M402D ĐQTuần nhận B110 (XB01676)	Cái	1	2017		6.350.000		40.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
7	Máy in Laserjet HP M401D. TV. Hanhh	Cái	1	2013		7.480.000		40.000	Không còn driver cho Windows mới
8	Máy in HP Laserjet Pro 400 M401D (TTTTV: Hiền)	Cái	1	2014		6.974.000		40.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
9	Máy in HP Laser M401D KTYến nhận	Cái	1	2016		6.424.000		40.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
10	Máy in HP Laser M402D NKThế 102K5(XH01706)	Cái	1	2017		6.350.000		40.000	Không còn driver cho Windows mới
11	Máy in Laser HP M401D, (Hạnh)	Cái	1	2012		5.900.000		40.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
12	Máy in HP M401, (Tài)	Cái	1	2015		6.424.000		40.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
13	Máy in HP M401, (Nhân)	Cái	1	2013		7.480.000		40.000	Không còn driver cho Windows mới
14	Máy in HP M401, (Tổ XXH)	Cái	1	2016		6.424.000		40.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
15	Máy in HP M401, (Tuyển)	Cái	1	2016		6.424.000		40.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
16	Máy in HP M401, (BM Luật MT)	Cái	1	2021		7.139.000		40.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
17	Máy in HPLASER M401D NTNghuyên nhận	Cái	1	2016		6.424.000		40.000	Không còn driver cho Windows mới
18	Máy in HP Laser 401.Đào tạo(Nghi) -> Thái. CTSV. B102	Chiếc	1	2014		6.974.000		40.000	Không còn driver cho Windows mới
19	Máy in HP Laserjet Pro 400 M401D (CTSV: Phú)	Chiếc	1	2014		6.974.000		40.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
20	Máy in HP Laser M401D PV Hạnh. B201	Cái	1	2016		6.424.000		40.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
21	Máy in HP Laser M402D NHLong (XD11481), Tổ LDS	C	1	2017		6.350.000		40.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
22	Máy in HP M402, (Tổ HN&GD)	Cái	1	2018		6.350.000		40.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
II.5	Máy Scan		4					-	
1	Máy Scan HP 3500f1-> Điệp-> Hùng	Cái	1	2019		-		40.000	Hỏng đèn
2	Máy Scan Plustek PS386	Cái	1	2016		9.200.000		40.000	Hỏng đèn
3	Máy Scan HP ScanJet G4050 Điệp CNTT	Cái	1	2015		6.250.000		40.000	Hỏng nguồn
4	Máy Scan Canon LIDE110-01	Cái	1	27/12/2013		1.227.000		40.000	Hỏng đèn
II.6	Máy lọc nước		10					-	
1	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Cháy nguồn
2	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Hỏng bơm
3	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Hỏng bình áp
4	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Hỏng van áp
5	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Hỏng van điện từ
6	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Hỏng van điện từ
7	Máy lọc nước RO10L	Cái	1					15.000	Hỏng van điện từ
8	Máy lọc nước RO 20L/h lắp đặt nhà A	Cái	1	2017		6.641.800		15.000	Hỏng bơm
9	Cây nước Kangaroo-KG34C	Cái	1	23/9/2013		3.182.000		15.000	Hỏng ko ra nước
10	Cây nước Kangaroo-KG34C	Cái	1	31/12/2013		2.254.500		15.000	Hỏng nguồn
II.7	Âm ly		10					-	
1	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	2015		8.177.421		70.000	Cháy nguồn
2	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	2015		8.177.421		70.000	Âm thanh bị dè, méo tiếng
3	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	2015		8.177.421		70.000	ko lên nguồn
4	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	2015		8.177.421		70.000	Quạt tản nhiệt bị hỏng
5	Tăng âm 120W	Bộ	4	2015		28.137.912		280.000	Hỏng nguồn
6	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC.	Cái	1	2015		8.177.421		70.000	Quạt tản nhiệt bị hỏng
7	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	2015		8.177.421		70.000	Ko có tiếng
II.8	Mic các loại		80					-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
1	Micro không dây	Bộ	12	2015		388.245.145		60.000	màng rung yếu
2	Micro không dây cài ve áo	Cái	8	2015		99.126.420		4.000	màng rung yếu
3	Bộ thu micro không dây	Bộ	8	2015		44.932.920		40.000	Hồng ko có tiếng
4	Micro có dây	Cái	3	2015		8.877.321		3.000	Hồng dây
5	Micro không dây	Cái	2	2015		8.118.214		2.000	méo vỡ âm
6	Micro đại biểu TS 772	Cái	24	2015		195.844.368		24.000	Hồng màng rung
7	Micro phòng học NN (A906)	Cái	1	2014		8.690.000		1.000	Hồng màng rung
8	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng màng rung
9	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng màng rung
10	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng màng rung
11	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng màng rung
12	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng màng rung
13	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng màng rung
14	Micro MD1300	Cái	1	2019				1.000	Hồng màng rung
15	Micro MD1300	Cái	1	2019				1.000	Hồng màng rung
16	Micro MD1300	Cái	1	2019				1.000	Hồng màng rung
17	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	méo tiếng, vỡ âm
18	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	Hồng dây
19	Micro MD1300	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
20	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
21	Micro MD1300	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
22	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
23	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
24	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
25	Micro có dây	Cái	1	2019				1.000	Hồng rắc cắm mic
26	Micro MD1300	Cái	1	2022				1.000	Hồng rắc cắm mic
27	Micro MD1300	Cái	1	2024				1.000	Hồng rắc cắm mic
28	Micro có dây	Cái	1					1.000	Hồng rắc cắm mic
29	Micro có dây	Cái	1					1.000	Hồng rắc cắm mic

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
II.9	Loa các loại		27					-	
1	Loa di động LK12, 550W,	Cái	1	2023		8.250.000		200.000	Cháy nguồn
2	Loa cột treo tường 40W	Cái	4	2015		10.852.780		80.000	Màng loa bị rách
3	Loa cột treo tường 30W	Cái	10	2015		12.541.070		200.000	Loa bị rề
4	Loa hộp 60w Toa	Cái	4	2015		18.420.780		80.000	Loa bị rề
5	Loa hộp 60w Toa	Cái	1	2015		4.605.195		20.000	Loa bị rề
6	Loa máy tính	Cái	1			-		20.000	Loa ko phát ra tiếng
7	Loa cột treo tường 40W	Cái	2	2015		5.426.390		40.000	Loa mất kết nối
8	Loa toa treo tường	Cái	2	2010				40.000	Loa mất kết nối
9	Loa toa treo tường	Cái	2					40.000	Loa mất kết nối
II.10	Bàn các loại		195					-	
1	Bàn nhân viên	Chiếc	1	2015		1.550.000		5.000	Hỏng mặt bàn
2	Bàn làm việc	Chiếc	2					10.000	Gãy chân bàn
3	Bộ bàn ghế salon (1 bàn; 1 ghế băng dài; 2 ghế đơn)	Bộ	1	2001				5.000	Gãy chân bàn
4	Bàn gỗ CN 0.6m x 1.2m	Chiếc	1	2015				5.000	Nứt mặt bàn
5	Bàn họp gỗ CN 120x240x75cm B210->A12a.08	Chiếc	1					5.000	Phồng rộp mặt bàn
6	Bàn làm việc chữ L gỗ CN 155x155x75cm (cũ)	Cái	2			-		10.000	Gãy chân bàn
7	Bàn làm việc chữ L gỗ CN	Cái	1					5.000	Phồng rộp mặt bàn
8	Bàn giáo viên	Chiếc	2	2015		2.200.000		10.000	Trầy xước mặt bàn
9	Bàn gỗ vuông	Cái	2	2010		-		10.000	Bong tróc
10	Bàn gỗ dài hình chữ nhật	Cái	17	2010		-		85.000	Bong tróc
11	Bàn gỗ quây tròn	Cái	2	2010		-		10.000	Bong tróc
12	Bục phát biểu gỗ CN	Cái	1	2020				5.000	Phồng rộp mặt bục
13	Bục phát biểu	Cái	1	2015		3.000.000		5.000	Hỏng
14	Bàn nhân viên	Cái	1	2015		1.550.000		5.000	Hỏng
15	Bàn quây 230x200x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Trầy xước, bàn lẻ hỏng
16	Bàn nước 45x60x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phồng rộp, bong tróc
17	Bàn nước 80x75x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phồng rộp, bong tróc
18	Bàn họp 180x90x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phồng rộp, bong tróc
19	Bàn làm việc 100x60x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phồng rộp, bong tróc

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
20	Bàn máy tính 100x60x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phòng ráp, bong trục
21	Bàn làm việc 120x60x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phòng ráp, bong trục
22	Bàn gỗ CN 100x47x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phòng ráp, bong trục
23	Bàn nước 52x75x75cm	Cái	1	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
24	Bàn làm việc 155x60x75cm	Cái	1	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
25	Kệ tài liệu gỗ 47x26x75cm	Cái	1	2010				80.000	Phòng ráp, bong trục
26	Bàn máy tính tra cứu đứng 55x55x100cm	Cái	16	2010				30.000	Phòng ráp, bong trục
27	Bàn máy tính (Bàn đọc) 100x60x75cm	Cái	6	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
28	Bàn máy photo	Cái	1	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
29	Bàn nước 75x50x75cm	Cái	1	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
30	Bàn quầy 265x200x75cm	Cái	1	2010		-		5.000	Phòng ráp, bong trục
31	Bàn đọc sách 190x90x75cm	Cái	17	2010		-		85.000	Phòng ráp, bong trục
32	Bàn đọc sách 245x90x75cm	Cái	1	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
33	Bàn nước 50x80x75cm	Cái	1	2010				5.000	Phòng ráp, bong trục
34	Bàn máy tính bàn đọc	Cái	45	2010				225.000	Phòng ráp, bong trục
35	Bàn gỗ CN cũ	Cái	1	2010		-		5.000	Gãy chân bàn
36	Bàn máy tính cũ (năm 2010)	Cái	2	2010		-		10.000	Gãy chân bàn
37	Bàn máy tính bàn đọc (thư viện)	Cái	1	2010				5.000	Gãy chân bàn
38	Bàn nước góc gỗ CN cũ	Cái	2			-		10.000	Gãy chân bàn
39	Bàn gỗ CN, KT 0.8x0.70x0.75m	Cái	1	2017		-		5.000	Phòng ráp
40	Bàn máy tính cũ 120x65x75cm	Cái	1	2019				5.000	Phòng ráp
41	Bàn máy tính cũ	Cái	2					10.000	Phòng ráp
42	Bàn làm việc chuyên viên (năm 2017)	Cái	1	2017				5.000	Phòng ráp
43	Bàn máy tính cũ (màu ghi)	Cái	1			-		5.000	Phòng ráp
44	Bàn làm việc (cũ) 160x85x75cm	Cái	2					10.000	Phòng ráp
45	Kệ gỗ CN 45x120x50cm	Cái	1					5.000	Phòng ráp
46	Bàn nước	Cái	1					5.000	Phòng ráp
47	Bàn làm việc cũ	Cái	1			-		5.000	Phòng ráp
48	Bàn lạnh đảo bộ môn D160xR85x75cm	Cái	1	2019				5.000	Gãy chân bàn
49	Bàn đôi cabin gỗ CN	Cái	18	2014				90.000	Bong trục
50	Bàn làm việc cũ	Cái	2			-		10.000	Trầy xước mặt bàn
51	Bàn trường phòng	Bộ	1	2015		4.800.000		5.000	Gãy chân bàn
52	Bàn làm việc chuyên viên	Cái	6	2016		-		30.000	Bong trục
53	Bàn trường phòng, bàn phó phòng	Bộ	1	2015		3.450.000		5.000	Gãy chân bàn

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
54	Bàn nhân viên	Chiếc	1	2015		1.550.000		5.000	Chân bàn lung lay
55	Bàn họp, bàn làm việc các khoa, bộ môn (bàn 2m)	Chiếc	2	2015		7.360.000		10.000	Gãy mặt bàn
56	Bàn nhân viên	Chiếc	5	2015		7.750.000		25.000	Phòng rộp
57	Bàn trưởng bộ môn, ban trợ lý khoa, ban truy cập máy tính các bộ môn	Chiếc	1	2015		1.550.000		5.000	Phòng rộp
58	Bàn họp, bàn làm việc các khoa, bộ môn (bàn 2m)	Chiếc	2	2015		7.360.000		10.000	Hỏng gãy chân
59	Bàn họp, bàn làm việc các khoa, bộ môn (bàn 2m) (SHTT)	Chiếc	1	2015		3.680.000		5.000	Hỏng gãy chân
60	Bàn nhân viên	Chiếc	1	2015		1.550.000		5.000	Bong tróc
61	Bàn họp, KT: D2,4xR1,2xC0,75m	Cái	1	2019		-		5.000	Gãy chân bàn
II.11	Ghế các loại		344					-	
1	Ghế trưởng, phó phòng	Chiếc	2	2015		4.200.000		10.000	Hỏng
2	Ghế nhân viên	Chiếc	1	2015		2.120.000		5.000	Hỏng
3	Ghế xoay	Chiếc	5					25.000	Hỏng
4	Ghế gỗ	Cái	3	2010		-		15.000	Hỏng
5	Ghế trưởng, phó phòng	Chiếc	1	2015		2.100.000		5.000	Hỏng
6	Ghế gấp xuân hòa	Chiếc	1	2010				5.000	Hỏng
7	Ghế xoay văn phòng	Chiếc	2					10.000	Hỏng
8	Ghế xoay	Chiếc	1					5.000	Hỏng
9	Ghế nhân viên	Chiếc	1	2015				5.000	Hỏng
10	Ghế gỗ 3 nan	Chiếc	6	2006				30.000	Hỏng
11	Ghế gấp	Cái	1	2015		510.000		5.000	Hỏng
12	Ghế gỗ	Cái	1	2010		-		5.000	Hỏng
13	Ghế giáo viên	Chiếc	5	2015		260.000		25.000	Hỏng
14	Ghế băng chờ 4 chỗ	Cái	1			3.820.000		5.000	Hỏng
15	Ghế băng chờ 4 chỗ	Cái	1			3.820.000		5.000	Hỏng
16	Ghế sắt băng chờ hành lang T2 nhà K6 (sv tài trợ)	Cái	2					10.000	Hỏng
17	Ghế gỗ đệm xanh	Cái	58	2010		-		290.000	Hỏng
18	Ghế gỗ	Cái	2	2010		-		10.000	Hỏng
19	Ghế xoay	Cái	2	2010		-		10.000	Hỏng
20	Ghế gỗ	Cái	1	2010				5.000	Hỏng
21	Ghế xoay	Cái	2	2010		-		10.000	Hỏng
22	Ghế chân quỳ	Cái	1	2010		-		5.000	Hỏng
23	Ghế đứng lấy sách	Cái	2	2010				10.000	Hỏng
24	Ghế xoay	Cái	4	2010				20.000	Hỏng
25	Ghế băng chờ 170x50x75cm	Cái	12	2010				60.000	Hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
26	Ghế gỗ SV	Cái	80	2019		74.360.000		400.000	Hồng
27	Ghế gỗ SV	Cái	2	2019		1.859.000		10.000	Hồng
28	Ghế gấp hòa phát	Cái	8					40.000	Hồng
29	Ghế làm việc các khoa	Chiếc	10	2015		5.100.000		50.000	Hồng
30	Ghế gấp,(Hương)	Cái	3	2010		-		15.000	Hồng
31	Ghế gỗ ba nan (Tổ Công Pháp)	Cái	3	2010		-		15.000	Hồng
32	Ghế gấp XH	Cái	8	2010				40.000	Hồng
33	Ghế gỗ cũ	Cái	2					10.000	Hồng
34	Ghế chủ nhiệm, phó chủ nhiệm khoa	2015	2	4.200.000				10.000	Hồng
35	Ghế xoay	2019	2					10.000	Hồng
36	Ghế gỗ cũ	Cái	5					25.000	Hồng
37	Ghế xoay	Cái	1					5.000	Hồng
38	Ghế gấp xuân hoà	Cái	36	2014				180.000	Hồng
39	Ghế chân quỳ	Cái	6	2017		-		30.000	Hồng
40	Ghế gỗ đơn	Cái	2	2018				10.000	Hồng
41	Ghế giáo viên	Chiếc	1	2015		260.000		5.000	Hồng
42	Ghế gỗ 3 nan cũ	Cái	3			-		15.000	Hồng
43	Ghế xoay (LH Linh)	Cái	1			-		5.000	Hồng
44	Ghế gỗ (PLVP)	Cái	2			-		10.000	Hồng
45	Ghế gấp cũ	Cái	2					10.000	Hồng
46	Ghế gỗ (NVP)	Cái	2					10.000	Hồng
47	Ghế xoay	Cái	3			-		15.000	Hồng
48	Ghế trưởng, phó phòng	Chiếc	1	2015		2.100.000		5.000	Hồng
49	Ghế nhân viên	Chiếc	1	2015		2.120.000		5.000	Hồng
50	Ghế xoay	Cái	8	2010		-		40.000	Hồng
51	Ghế gấp	Cái	2					10.000	Hồng
52	Ghế xoay	Cái	2					10.000	Hồng
53	Ghế xoay	Cái	6					30.000	Hồng
54	Ghế gấp	Cái	5					25.000	Hồng
55	Ghế chủ nhiệm, phó chủ nhiệm khoa	Chiếc	1	2015		2.100.000		5.000	Hồng
56	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hồng
57	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hồng
58	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hồng
59	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
60	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
61	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
62	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
63	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
64	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
65	Ghế đệm xanh	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
66	Ghế khác	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
67	Ghế khác	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
68	Ghế khác	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
69	Ghế xoay khác	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
70	Ghế xoay khác	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
71	Ghế xoay khác	Cái	1	23/9/2013				5.000	Hỏng
II.12	Tủ các loại		52					-	
1	Tủ gỗ lim KT 1200 x 2400 x 600	Cái	2	2001		16.200.000		160.000	Cong vênh, nứt
2	Tủ tài liệu gỗ lim 2 buồng 1.2x2.2m	Cái	1					80.000	Cong vênh, nứt
3	Tủ TL sắt 2 buồng 90x183x45cm	Cái	1	2021				80.000	Cong vênh
4	Hộc tủ gỗ CN 0,47x0,50x0,70	Cái	2					10.000	Mọt gỗ
5	Tủ tài liệu D275xC235xR50cm	Cái	1	2000		-		80.000	Mục ruỗng
6	Tủ tài liệu 4 buồng gỗ CN 190x200x40cm	Cái	1					5.000	Mọt gỗ
7	Tủ tài liệu các khoa, bộ môn (Tô Công pháp)	Chiếc	4	2015		10.440.000		20.000	Cong vênh, nứt
8	Tủ bàn nước	Chiếc	1	2010				5.000	vỡ kính, bong tróc
9	Tủ bàn nước cũ, (Tư pháp)	Cái	1	2010		-		5.000	vỡ kính, bong tróc
10	Tủ tài liệu gỗ lim 2 buồng	Cái	1	2000		-		80.000	Cong vênh, nứt
11	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	Cái	1	2019				80.000	Cong vênh, hỏng khoá
12	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	Cái	1					80.000	Cong vênh, hỏng khoá
13	Tủ gỗ lim KT 2500 x 400 x 1000	Cái	3	2000		17.400.000		240.000	Cong vênh, nứt
14	Tủ tài liệu sắt 6 ngăn 180x100x45cm	Cái	1	2010		-		80.000	Cong vênh, hỏng khoá
15	Tủ tài liệu sắt 6 ngăn 180x100x45cm	Cái	1	2021		-		80.000	Cong vênh, hỏng khoá
16	Tủ đựng đề thi KT 2,2m x 1,2m x 0,5	Cái	1	1999		5.300.000		80.000	bung bản lề
17	Tủ tài liệu gỗ lim KT 2.2mx1.2mx0.5m	Cái	1	1999				80.000	Cong vênh, vỡ kính
18	Tủ tài liệu sắt 2 ngăn	Cái	1	2021				80.000	Hỏng
19	Tủ TL D100xC236xR40 2 khoang	Cái	2	2023		9.900.000		160.000	âm, bung cánh
20	Tủ TL D100xC236xR40 1 khoang	Cái	1	2023		4.994.000		80.000	âm, bung cánh
21	Tủ gỗ lim đựng báo KT 1000 x 2200 x	Cái	1	2001		8.450.000		80.000	Cong vênh, nứt

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
22	Tủ gỗ lim KT 950 x 2500 x 600	Cái	2	2001		17.400.000		160.000	Hồng cánh, gãy thanh đợt
23	Tủ tài liệu trường phòng (tủ 4 buồng)	Chiếc	1	2015		6.150.000		80.000	Hồng
24	Kệ sắt	Cái	1	2001		-		80.000	Hồng
25	Tủ sắt 12 ngăn đựng đồ sv	Cái	3	2015				240.000	Gi sắt, cong vênh
26	Tủ sắt 12 ngăn đựng đồ sv	Cái	3	2015				240.000	Gi sắt, cong vênh
27	Tủ tài liệu các khoa, bộ môn	Chiếc	6	2015		15.660.000		480.000	Bung cánh
28	Tủ tài liệu các khoa, bộ môn (LHN&GD)	Chiếc	5	2015		13.050.000		400.000	Bung cánh
29	Tủ tài liệu sắt 2 buồng	Cái	1	2019				80.000	Gi sắt, cong vênh
30	Tủ tài liệu sắt 2 buồng	Cái	1	2019				80.000	Gi sắt, cong vênh
II.13	Quạt các loại		55					-	
1	Quạt cây	Cái	1	2018		-		50.000	Hồng bo mạch
2	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2015		-		50.000	Chập mạch điện
3	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2016		-		50.000	Hồng bo mạch
4	Quạt cây	Cái	1	2015		-		50.000	Hồng bo mạch
5	Quạt cây	Cái	1	2015		-		50.000	Hồng bo mạch
6	Quạt cây	Cái	1					50.000	Hồng bo mạch
7	Quạt cây	Cái	3					150.000	Hồng nguồn
8	Quạt treo tường	Cái	1					50.000	Hồng tụ điện
9	Quạt trần	Cái	6			-		420.000	Hồng tụ điện
10	Quạt thông gió	Cái	7			-		350.000	Hồng tụ điện
11	Quạt cây	Cái	3					150000	
12	Quạt trần	Cái	1	2019		-		70.000	Hồng tụ điện
13	Quạt trần	Cái	1	2019		-		70.000	Hồng tụ điện
14	Quạt trần	Cái	1	2019				70.000	Hồng bị cháy
15	Quạt trần	Cái	1	2019		-		70.000	Hồng bo mạch
16	Quạt trần	Cái	1	2019		-		70.000	Hồng bo mạch
17	Quạt trần	Cái	1	2018		-		70.000	Cháy dây đồng
18	Quạt trần	Cái	1	2019		-		70.000	Cháy
19	Quạt trần	Cái	1	2019		-		70.000	Cháy
20	Quạt treo tường	Cái	1	2013		-		50.000	Hồng cháy quận đồng
21	Quạt cây	Cái	1					50.000	Hồng cháy quận đồng
22	Quạt cây Vinawind	Cái	1	2015		-		50.000	Hồng cháy quận đồng
23	Quạt cây	Cái	2					100000	
24	Quạt trần	Cái	1	2019				70.000	Hồng cháy quận đồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
25	Quạt trần	Cái	1	2013				70.000	Hỏng cháy quân đồng
26	Quạt trần	Cái	1	2016				70.000	Hỏng cháy quân đồng
27	Quạt trần	Cái	1	2019				70.000	Hỏng cháy quân đồng
28	Quạt trần	Cái	1	2013				70.000	Hỏng cháy quân đồng
29	Quạt trần	Cái	2	2013				140.000	Hỏng cháy quân đồng
30	Quạt trần	Cái	2	2013				140.000	Hỏng cháy quân đồng
31	Quạt trần	Cái	1	2013				70.000	Hỏng cháy quân đồng
32	Quạt trần	Cái	1	2019				70.000	Hỏng cháy quân đồng
33	Quạt trần	Cái	1	2019				70.000	Hỏng cháy quân đồng
34	Quạt treo tường	Cái	1					50.000	Hỏng cháy quân đồng
35	Quạt treo tường	Cái	2	2013				100.000	Hỏng cháy quân đồng
36	Quạt thông gió	Cái	1					50.000	Hỏng cháy quân đồng
II.14	Phích điện		12					-	
1	Phích điện	Cái	2	2016		3.960.000		20.000	Hỏng bơm
2	Phích điện	Cái	2	2016		3.960.000		20.000	Hỏng bơm
3	Phích điện	Cái	1	2017		1.670.000		10.000	cháy nguồn
4	Phích điện Tiger 4 Lít	Cái	1	2018		-		10.000	Hỏng nguồn
5	Phích đun nước	Cái	1	2020				10.000	Hỏng bơm
6	Phích điện	Cái	1	2018				10.000	Cháy
7	Phích điện	Cái	1	2022				10.000	Cháy
8	Phích điện cũ	Cái	1					10.000	Hỏng bơm
9	Phích điện	Cái	1	2019				10.000	Hỏng nguồn
10	Bình thủy đun nước	Cái	1	2009		-		10.000	Hỏng bơm
II.15	Bảng		7					-	
1	Bảng từ	Cái	1	2022				20.000	Bong lớp phủ
2	Bảng ghim ni 60x80cm	Cái	1	2022				15.000	rách ni
3	Bảng từ 1.2x2m	Cái	1	2022		-		20.000	Ko hút được nam châm
4	Bảng từ 1.5x2m (hành lang ngoài cửa)	Cái	1	2022		-		20.000	Bong lớp phủ
5	Bảng từ (năm 2022)	Cái	1	2022		-		20.000	Bong lớp phủ
6	Bảng từ xanh 105x155cm	Cái	1					20.000	Bong lớp phủ
7	Bảng từ	Cái	1					20.000	Viết phấn không bám
II.16	Giá kệ các loại		76					-	
1	Kệ medium 4 tầng	Cái	4	2010		-		200.000	Ko sử dụng
2	Kệ medium 5 tầng	Cái	13	2010		-		780.000	Ko sử dụng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
3	Kệ áp tường 7 tầng	Cái	16	2010				1.280.000	Ko sử dụng
4	Giá sách (tủ kính)	Cái	22	2010				880.000	Ko sử dụng
5	Kệ sách đôi	Cái	1	2010				50.000	Ko sử dụng
6	Kệ sách áp tường	Cái	2	2010				100.000	Ko sử dụng
7	Giá tạp chí chéo	Cái	4	2010				200.000	Ko sử dụng
8	Giá nhôm 5 tầng (3 giá đúc liền)	Cái	3	2010				180.000	Ko sử dụng
9	Giá nhôm 5 tầng (2 giá đúc liền)	Cái	3	2010				180.000	Ko sử dụng
10	Giá nhôm 7 tầng	Cái	2	2010				160.000	Ko sử dụng
11	Giá nhôm tạp chí chéo 1 mặt	Cái	1	2010				50.000	Ko sử dụng
12	Giá nhôm chéo 2 mặt	Cái	2	2010				100.000	Ko sử dụng
13	Giá để tài liệu	Cái	1	28/6/2021		3.800.000		50.000	Hồng, gãy giá
14	Giá gỗ R1,2mx C2,2m x S0,36m	Cái	1			-		5.000	Gãy, mọt
15	Giá sách R1,2m x C2,2m X S0,36m	Cái	1			-		50.000	Gãy, mọt
II.17	Màn chiếu		13					-	
1	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
2	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
3	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
4	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
5	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
6	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
7	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
8	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
9	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
10	Màn chiếu	Cái	1			-		20.000	Hồng mô tơ cuốn
11	Màn chiếu điện Snowwhite KT 3,05m x 3,05m	Cái	2	2010		13.613.600		40.000	Hồng mô tơ cuốn
12	Màn chiếu	Cái	1	2022		2.200.000		20.000	Hồng mô tơ cuốn
II.18	Các loại công cụ dụng cụ khác		124					-	
1	Ổ cứng HDD WD 1 TB Black (Hiện)	Cái	1	2022				2.000	Hồng
2	Máy dập ghim đại Max HD-L. Foto. Oanh	Cái	1	2023		4.550.000		5.000	Hồng
3	Bàn cắt giấy Bosser 858A4. P Foto. Oanh	Cái	1	2019		5.290.000		10.000	Hồng
4	Điện thoại bàn	2013	1	2013				2.000	Hồng
5	Máy hút bụi	Cái	1	2010				30.000	Hồng, nguồn ko chạy
6	Điện thoại bàn Panasonic KX500	Cái	1	2022		299.000		2.000	Hồng
7	Máy đếm tiền MASU 666. TCKT	Cái	1	2021		7.425.000		2.000	Hồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
8	Điện thoại kéo dài Panasonic KX-TGD512. ĐT.A106, 107, 108	Cái	1	2023		1.947.000		2.000	Hỏng ko chạy
9	Tủ lạnh Laser	Cái	1	2003		-		200.000	Hỏng lốc
10	Tủ lạnh Laser	Cái	1	2003		-		200.000	Hỏng lốc
11	Xe gom rác 500L	Cái	4	2022		13.420.000		480.000	Hỏng một thùng đáy thùng xe gom
12	Máy đếm tiền OUDIS 9900	Cái	1	2016		6.765.000		2.000	Hỏng ko chạy
13	Điện thoại để bàn	Cái	1			-		2.000	Hỏng
14	Đầu đọc mã vạch để bàn	Cái	2	2007		-		4.000	Hỏng
15	Ổn áp Lioa	Cái	1	2007				30.000	Hỏng
16	Lưu điện Santak	Cái	1	2018				100.000	Hỏng nguồn
17	Cisco Access point	Cái	2	2010				100.000	Hỏng
18	Camera giám sát	Cái	6	2015				30.000	Hỏng
19	Thang gấp	Cái	1	2010				30.000	Gãy
20	Đầu đọc mã vạch để bàn	Cái	1	2010				2.000	Hỏng ko chạy
21	Tai nghe	Cái	1	2015				500	Hỏng đứt dây
22	Kết sắt viết tiếp	Cái	1	2019				50.000	Hỏng, kẹt
23	Gương treo tường	Cái	1	2015		1.288.000		-	Vỡ
24	Kết sắt (năm 2000)	Cái	1	2000		-		50.000	Hỏng ăn mòn hoá học, kẹt khoá số
25	ĐTDD Nokia 8210 4G(Ngân)	Cái	1	2023		1.590.000		20.000	Hỏng nguồn
26	ĐTDD Nokia 8210 4G(Hiền)	Cái	1	2023		1.590.000		20.000	Hỏng nguồn
27	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	2019				10.000	Hỏng dò nước
28	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	2019		-		10.000	Cháy hỏng
29	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	2019				10.000	Cháy hỏng
30	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	2019		-		10.000	Cháy hỏng
31	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	2019				10.000	Cháy hỏng
32	Kết sắt	Cái	1	2000		-		50.000	Hỏng ăn mòn hoá học, kẹt khoá số
33	Kết sắt	Cái	1	2000		-		50.000	Hỏng ăn mòn hoá học, kẹt khoá số
34	Tai nghe	Cái	36	2014				18.000	Hỏng
35	Mắt camera	Cái	2	2015				1.000	Hỏng
36	Máy ảnh Canon S95	Cái	1	2010		8.703.500		50.000	Hỏng
37	Máy hủy tài liệu	Cái	1			-		50.000	Hỏng
38	Tai nghe	Cái	32	2015				16.000	Đứt dây
39	Điện thoại để bàn	Cái	1			-		2.000	Hỏng
40	Điện thoại để bàn	Cái	1					2.000	Hỏng
41	Điện thoại để bàn	Cái	1					2.000	Hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
42	Điện thoại để bàn	Cái	1					2.000	Hỏng
43	Điện thoại để bàn	Cái	1					2.000	Hỏng
44	Điện thoại để bàn	Cái	1					2.000	Hỏng
45	Máy ảnh Canon ZOOM LENS 5xA2300S	Cái	1	31/12/2012		2.355.000		10.000	Hỏng
46	Máy quay KTS SONY DCR-PJ6E	Cái	1	17/12/2013		5.173.000		10.000	Hỏng
47	Máy tính xách tay Dell-VOSTRO V2420	Cái	1	30/12/2013		7.900.000		60.000	Hỏng
III	Vật tư, vật liệu thu hồi do sửa chữa, rác thải		626					168.800	
1	Khoá cửa phòng làm việc A206; A204; A208; A209	Bộ	4	2013				800	Hỏng
2	Rèm vải	Bộ	3					-	
3	Cửa kính cửa sổ	Bộ	3					-	
4	Cửa đi	Bộ	1					-	
5	Bóng đèn	Bộ	84	2023				-	
6	Cửa gỗ công nghiệp nhà vệ sinh 1 cánh	Cái	6	2013				-	Mọt, gãy cánh
7	Gương treo tường nhà vệ sinh	Cái	24	2013				-	Hỏng
8	Hộp đựng nước rửa tay	Cái	12	2013				-	Vỡ
9	Hộp đựng giấy nhỏ	Cái	42	2013				-	Hỏng
10	Hộp đựng giấy to	Cái	12	2013				-	Hỏng
11	Lavabo	Cái	6	2013				-	hỏng, ổ vàng
12	Lavabo bàn đá	Cái	24	2013				-	hỏng, ổ vàng
13	Quạt hút mùi nhà vệ sinh	Cái	48	2013				48.000	Hỏng
14	Tiêu nam	Cái	24	2013				-	Ổ hỏng
15	Vách ngăn phòng gỗ ép CN	Cái	12	2013				-	
16	Vòi rửa	Cái	12	2013				24.000	Hạn, gỉ
17	Vòi xịt	Cái	42	2013				-	Gãy hỏng
18	Xí bệt	Cái	42	2013				-	
19	Khuôn cửa gỗ	Bộ	8					-	Mối, mọt, gãy
20	Lắp viên xi bệt	Bộ	12					-	Ổ hỏng
21	Khuôn gỗ dây cáp	Cái	2					-	
22	Cánh cửa nhôm	Cái	1					10.000	Cong, vênh
23	Bê tông lắp cống	Cái	3					-	
24	Khung biển báo ra vào cơ quan	Cái	2					10.000	Hỏng
25	Thùng rác hỏng	Cái	2					4.000	Hỏng
26	Biển chỉ dẫn	Cái	1					5.000	Hỏng
27	Bê tông lắp cống	Tám	5					-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Giá khởi điểm (đồng)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán			
						Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)		
28	1 Bê tông lắp công, 1 mang gạch ốp tường, 2 tấm gạch ốp tường	Tấm	4					-	
29	Bao rác thải cát	Bao	1					-	
30	Tấm gỗ nát	Tấm	2					-	
31	Khung sắt rào chắn	Tấm	6					60.000	
32	Ghế đá gãy	Cái	1					-	
33	Tấm Trần panel	Tấm	20					-	
34	Tấm paner, aphic	Cái	4					-	
35	Kính vỡ	Tấm	1					-	
36	Tấm paner, aphic	Cái	1					-	
37	Máng đèn	Cái	1					500	
38	Dọn rác, quét dọn kho gấm KTX Nhà K1, K3, K4	Phòng	3					-	
39	Át hộp tủ điện tổng nhà B	Cái	1					2.000	Hỏng
40	Thùng rác nhựa 60L	Cái	57					-	Hỏng, gãy bánh xe, vỡ nắp, bạc màu
41	Dây VGA	Sợi	1	2024				500	Hỏng
42	Dây HDMI 15m	Sợi	1	2024				500	Hỏng
43	Dây HDMI 15m	Sợi	1	2024				500	Hỏng
44	Dây HDMI 15m	Sợi	1	2024				500	Hỏng
45	Dây HDMI 15m	Sợi	1	2024				500	Hỏng
46	Dây HDMI 15m	Sợi	1	2024				500	Hỏng
47	Vách ngăn cửa PCCC 0,7x2,14m	Bộ	1					-	Hỏng
48	Cửa gỗ có ô kính nhỏ 0,7x2,16m (4 cánh có ô kính)	Bộ	2					-	Mỗi một
49	Cửa gỗ có ô kính to 1,18mx2,58m (4 cánh có ô kính)	Bộ	2					-	vỡ kính, một
50	Đồng hồ treo tường	Cái	1	2011				500	Hỏng ko chạy
51	Đồng hồ treo tường	Cái	2	2010				1.000	Hỏng
52	Phôi thẻ từ Hico	Cái	70	2020				-	Ko tích hợp
53	Vách ngăn 100cm-C195cm	Cái	3	2013				-	Hỏng
	Tổng cộng (I + II + III)					5.320.488.861	-	51.327.300	